

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Phục;
- Ông Nguyễn Văn Dương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 597/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST-HN, ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Thị B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp B, thị trấn D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: **Nguyễn H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Thị B (Sau đây gọi là **chị B**) trình bày:

Giữa **chị B** và bị đơn Nguyễn H (Sau đây gọi là **anh H**) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, đời sống chung không ai quan tâm đến ai, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng đã sống ly thân. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, **chị B** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh H.

-Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Hoàng N (Nam), sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020. Từ khi ly thân đến nay thì con do anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nếu anh H đồng ý thì chị yêu cầu được nuôi con chung, chị chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng. Nếu anh H nuôi con thì chị chưa cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyễn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B: Chị và anh H trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để anh chị được đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt, chứng tỏ rằng anh H cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi đó, chị B xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh H và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[5] Về con chung: Có một người con chung là Nguyễn Hoàng Nam. Anh, chị không tranh chấp về quyền nuôi con. Xét con chung được anh H nuôi dưỡng từ khi hai người ly thân đến nay. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu Nam, cần tiếp tục giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị B, anh H có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H vắng mặt, không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị B mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị B và anh Nguyễn H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N (Nam), sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020 cho anh Nguyễn H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị B, anh H có yêu cầu khác.

Chị Thị B chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Thị B mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007182, ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND TT Ngan Dừa, h.Hồng Dân,
- t.Bạc Liêu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm